TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN HẢI
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2019/KDTM - ST.
Ngày: 25/9/2019.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Hiểu.

Bà Trương Thị Ngoãn.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 25/9/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 08/2019/TLST-KDTM ngày 05/7/2019 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST-KDTM ngày 05/9/2019 giữa :

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP C.

Địa chỉ: Số 108, quận K, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Lê Đức Thọ - Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP C.

Người đại diện theo ủy quyền: 1) Ông Nguyễn Quang Th - Phó giám đốc Ngân hàng TMCP C- Chi nhánh B.

2) Ông Phạm Minh T - Phó phòng tổng hợp Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh B.

(Theo văn bản ủy quyền số 907/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 16/11/2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP C)

- *Bị đơn*: Ông Mai Văn T, sinh năm 1956 và bà Phạm Thị L, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện H, tỉnh Thái Bình.

(Ông Th, ông T có mặt tại phiên tòa; ông T, bà L vắng mặt tại phiên tòa - có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP C, người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Quang Th trình bày:

Ông Mai Văn T và bà Phạm Thị L (đại diện là ông Mai Văn T) có quan hệ vay vốn với Ngân hàng TMCP C- Chi nhánh B theo Hợp đồng tín dụng số: 318/HĐTD ngày 15/4/2016. Mục đích vay thanh toán chi phí mua ngao giống; loại vay: từng lần; số tiền cho vay: 250.000.000 đồng; số tiền giải ngân: 250.000.000 đồng; thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; ngày giải ngân:15/4/2016; thời gian trả nợ cuối cùng: 15/4/2017. Tài sản bảo đảm tiền vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 318 ngày 17/4/2013. Cụ thể: Quyền sử dụng đất ở diện tích 160m^2 tại thửa đất số 915(1), tờ bản đồ số 02; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM659495, số vào sổ CH02298 do UBND huyện H cấp ngày 17/4/2013; tài sản gắn liền với đất là 01 nhà mái bằng 02 tầng công trình khép kín diện tích khoảng 180m^2 trên diện tích đất 160m^2 tại Thôn H, xã N, huyện H, tỉnh Thái Bình. Chủ sở hữu tài sản là ông Mai Văn T và bà Phạm Thị L.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, ông T, bà L mới trả được Ngân hàng số tiền gốc là 21.000.000đồng, tiền lãi trong hạn là 3.700.000đồng. Sau đó ông T và bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo như thỏa thuận. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc ông T và bà L phải trả số nợ còn lại cho Ngân hàng, nhưng ông T, bà L đã vi phạm Hợp đồng tín dụng và các cam kết trả nợ cụ thể như sau:

- Ngày 23/9/2016, Ngân hàng có thông báo về việc trả nợ tiền vay.
- Ngày 06/10/2016, Ngân hàng làm việc với khách hàng, thông báo khoản nợ, yêu cầu khách hàng tìm mọi nguồn thu trả nợ Ngân hàng. Ông T cam kết tháng 12/2016 trả nợ Ngân hàng.
- Ngày 13/12/2016, Ngân hàng làm việc với khách hàng, thông báo khoản nợ quá hạn, yêu cầu khách hàng trả nợ lãi quá hạn.
- Ngày 22/03/2017, Ngân hàng làm việc với khách hàng, thông báo nợ quá hạn, việc khách hàng vi phạm Hợp đồng tín dụng, yêu khách hàng trả nợ. Ông T cam kết đến năm 2017 trả nợ Ngân hàng 40 triệu đồng và đề nghị Ngân hàng thu vào nợ gốc.
- Ngày 15/7/2017, Ngân hàng làm việc với khách hàng, thông báo nợ quá hạn, việc khách hàng vi phạm Hợp đồng tín dụng, yêu khách hàng trả nợ. Ông T đề nghị Ngân hàng trả nợ vào nợ gốc để giảm bớt khó khăn.
- Ngày 05/03/2018, Ngân hàng làm việc, thông báo khoản nợ quá hạn, yêu cầu ông T, bà L trả nợ Ngân hàng, nếu không Ngân hàng sẽ phát mại tài sản hoặc khởi kiện khách hàng vi phạm Hợp đồng. Ông T cam kết năm 2018 trả nợ Ngân hàng 40 triệu đồng và đề nghị Ngân hàng thu vào nợ gốc.
- Ngày 29/8/2018, Ngân hàng làm việc, thông báo tình trạng khoản nợ, yêu cầu ông T, bà L trả nợ Ngân hàng, nếu không Ngân hàng sẽ phát mại tài sản hoặc khởi kiện khách hàng vi phạm Hợp đồng. Ông T cam kết trả nợ gốc 2 triệu đồng.
- Ngày 27/12/2018, Ngân hàng làm việc, thông báo khoản nợ quá hạn, yêu cầu ông T, bà L trả nợ Ngân hàng. Ông T cam kết trả nợ gốc 2 triệu đồng.

- Ngày 31/12/2018, Ngân hàng làm việc, thông báo khoản nợ quá hạn, yêu cầu ông T, bà L trả nợ Ngân hàng, nếu không Ngân hàng sẽ phát mại tài sản hoặc khởi kiện khách hàng vi phạm Hợp đồng.

- Ngày 11/03/2019, Ngân hàng làm việc với khách hàng, thông báo nợ quá hạn, việc khách hàng vi phạm Hợp đồng tín dụng, yêu khách hàng trả nợ, nếu không Ngân hàng sẽ phát mại tài sản hoặc khởi kiện khách hàng vi phạm Hợp đồng. Ông T cam kết trả nợ Ngân hàng từ 3-4 triệu đồng/quý và đề nghị Ngân hàng thu vào nợ gốc.

- Ngày 15/4/2019, Ngân hàng làm việc với khách hàng, thông báo nợ quá hạn, yêu khách hàng trả nợ, nếu không Ngân hàng sẽ phát mại tài sản hoặc khởi kiện khách hàng vi phạm Hợp đồng.

- Ngày 03/6/2019 Ngân hàng làm việc với khách hàng, thông báo nợ quá hạn, yêu khách hàng trả nợ, nếu không Ngân hàng sẽ phát mại tài sản hoặc khởi kiện khách hàng vi phạm Hợp đồng.

Nay Ngân hàng Bđề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

1) Buộc ông Mai Văn T và bà Phạm Thị L phải trả cho Ngân hàng các khoản tiền sau:

- Số tiền nợ gốc là: 229.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi chín triệu đồng);

- Lãi trong hạn: 17.397.222 đồng (Mười bẩy triệu ba trăm chín mươi bẩy nghìn hai trăm hai mươi hai đồng).

- Lãi quá hạn tính đến ngày 25/9/2019 là: 84.102.313 đồng (Tám mươi tư triệu một trăm linh hai nghìn ba trăm mười ba đồng).

Tổng số tiền nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày 25/9/2019 ông Mai Văn T và bà Phạm Thị L phải trả cho Ngân hàng là: 330.499.535 đồng (Ba trăm ba mươi triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn năm trăm ba mươi lăm đồng).

2) Trong trường hợp ông Mai Văn T và bà Phạm Thị L không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng trên thì Ngân hàng Bđề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, bán các tài sản bảo đảm gồm Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Hợp đồng thế chấp số: 318 ngày 17/4/2013 để thu hồi nợ.

Tại bản tự khai, đơn đề nghị và đơn xin xét xử vắng, bị đơn là ông Mai Văn T và bà Phạm Thị L trình bày: Ngày 15/4/2016 vợ chồng ông bà có ký hợp đồng tín dụng để vay vốn tại Ngân hàng B- Chi nhánh Thái Bình, số tiền vay là 250.000.000đồng, mục đích vay nuôi ngao giống, thời hạn vay là 12 tháng. Tài sản để đảm bảo cho khoản tiền vay gồm: Diện tích đất 160m^2 và ngôi nhà mái bằng 02 tầng xây dựng trên diện tích đất 160m^2 tại Thôn H, xã N, huyện H, tỉnh Thái Bình. Các tài sản trên đều thuộc quyền sở hữu và sử dụng của vợ chồng ông bà. Do việc nuôi ngao không thuận lợi, ngao bị chết nhiều nên vợ chồng ông bà đã không trả được nợ cho Ngân hàng theo như cam kết đã thỏa thuận. Nay ông bà đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện để ông bà trả dần tiền gốc hàng tháng và xin tiền lãi.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký

phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nghiêm túc các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, các văn bản tố tụng được tống đạt đầy đủ, đúng thời hạn cho các đương sự. Đối với nguyên đơn, bị đơn chấp hành chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C. Buộc ông Mai Văn T và bà Phạm Thị L phải nợ cho Ngân hàng Bsố tiền gốc và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

Trường hợp ông T, bà L không trả được nợ cho Ngân hàng TMCP C thì Ngân hàng được quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên phát mại tài sản bảo đảm gồm Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Hợp đồng thế chấp số 318 ngày 17/4/2013 để thu hồi nợ.

Về án phí: Đề nghị miễn án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm cho ông T và bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngân hàng TMCP C - chi nhánh B là tổ chức tín dụng, có đăng ký kinh doanh và có mục đích lợi nhuận. Ngân hàng TMCP C- chi nhánh B và ông Mai Văn T, bà Phạm Thị L ký hợp đồng tín dụng, mục đích vay của ông T, bà L để kinh doanh nuôi ngao giống, các bên đều có mục đích lợi nhuận. Do vậy, đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại về hợp đồng tín dụng. Bị đơn cư trú tại huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, theo quy định tại khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" giữa Ngân hàng Bvới ông Mai Văn T và bà Phạm Thị L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Ông T, bà L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về yêu cầu khởi kiện đòi tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn của Ngân hàng TMCP C.

Xét thấy, ngày 15/4/2016 ông Mai Văn T và bà Phạm Thị L có vay vốn tại Ngân hàng TMCP C- Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng tín dụng số: 318/HĐTD ngày 15/4/2016. Mục đích vay để trả tiền mua ngao giống; loại vay: ngắn hạn. Số tiền cho vay: 250.000.000 đồng. Số tiền giải ngân: 250.000.000 đồng.Thời hạn cho vay: 12 tháng. Ngày giải ngân: 15/4/2016. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo quy định của bên cho vay trong từng thời kỳ, tại thời điểm vay lãi suất áp dụng là 9,5%, ngoài ra trong hợp đồng còn thỏa thuận lãi suất quá hạn.

Việc ông T, bà L ký kết hợp đồng tín dụng số:318/HĐTD ngày 15/4/2016 với Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh B để vay vốn tại Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, lãi suất và các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hợp đồn tín dụng số 318/2013/HĐTD là hợp pháp. Hết thời hạn vay ông T, bà L còn nợ Ngân hàng Số tiền nợ gốc là: 229.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi chín triệu đồng); Lãi trong hạn và lãi quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông T, bà L trả nợ cho Ngân hàng (được thể hiện bằng các biên bản đôn đốc thu hồi nợ và cam kết trả nợ) nhưng ông T, bà L không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo như cam kết đã thỏa thuận. Vì vậy, Ngân hàng Byêu cầu ông T, bà L phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 229.000.000 đồn;Lãi trong hạn là: 17.397.222 đồng; Lãi quá hạn tính đến ngày 25/9/2019 là: 84.102.313 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 357, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Đối với yêu cầu của Ngân hàng Bvề việc đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp gồm: *Diện tích đất 160m^2 tại thửa đất số 915(1), tờ bản đồ số 02 và tài sản gắn liền với đất là 01 nhà mái bằng 2 tầng có diện tích 180m^2. Đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM659495, số vào sổ CH02298 do UBND huyện H cấp ngày 17/4/2013 tại Thôn H, xã N, huyện H, tỉnh Thái Bình. Chủ sở hữu tài sản là ông Mai Văn T và bà Phạm Thị L.*

Xét thấy, để đảm bảo khoản tiền vay theo hợp đồng tín dụng số 318 ngày 15/4/2016. Ông Mai Văn T và bà Phạm Thị L đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 318/HĐTC ngày 17/4/2013 để thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông T, bà L gồm:Diện tích đất 160m^2 tại thửa đất số 915(1), tờ bản đồ số 02 và tài sản gắn liền với đất là 01 nhà mái bằng 02 tầng cùng cùng trình phụ khép kín tại Thôn H, xã N, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 22/8/2019, tài sản thế chấp được thể hiện như sau: Đất có diện tích 160m^2 tại Thôn H, xã N, huyện H, tỉnh Thái Bình. Đất có tứ cận như sau: Đông giáp giao thông dài 7,7m; Tây giáp thửa 2545 dài 7,7m; Nam giáp đường giao thông dài 21,1m; Bắc giáp thửa 897 dài 21,5m. Trên diện tích đất xây dựng ngôi nhà mái bằng 02 tầng công trình phụ khép kín.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 318 ngày 17/4/2013 được ký kết giữa vợ chồng ông Mai Văn T và bà Phạm Thị L với Ngân hàng BViệt Nam được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp đều thuộc quyền sở hữu và sử dụng của vợ chồng ông T, bà L và không có sự biến động trong quá trình sử dụng, các nội dung trong hợp đồng thế chấp phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 318 ngày 17/4/2013 có hiệu lực pháp luật. Hết thời hạn trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông T, bà L không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng Bvề việc đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp gồm: Diện tích đất 160m^2 tại thửa đất số 915(1), tờ bản đồ số 02 và tài sản gắn liền với đất là 01

nhà mái bằng 02 tầng cùng công trình phụ khép kín xây dựng trên diện tích đất 160m^2 tại Thôn H, xã N, huyện H, tỉnh Thái Bình là phù hợp với quy định tại điều 299, điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần được chấp nhận.

[3]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Theo quy định tại điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự, ông T và bà L phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000đồng (Hai triệu đồng). Số tiền này Ngân hàng đã nộp tạm ứng, ông T và bà L có trách nhiệm hoàn trả số tiền 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) cho Ngân hàng TMCP C.

[4]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Bđược Tòa án chấp nhận. Vì vậy, Ngân hàng không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ông T, bà L trên 60 tuổi thuộc đối tượng người cao tuổi và ông T là người tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước bị nhiễm chất độc hóa học nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, ông T, bà L được miễn nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 147, điều 157, khoản 3 điều 228, điều 271, điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 299, 323, 357, 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Điểm a khoản 1 điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C. Buộc ông Mai Văn T và bà Phạm Thị L phải trả cho Ngân hàng TMCP Công thương các khoản nợ sau:

- Số tiền nợ gốc là: 229.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi chín triệu đồng);
- Lãi trong hạn: 17.397.222 đồng (Mười bẩy triệu ba trăm chín mươi bẩy nghìn hai trăm hai mươi hai đồng).
- Lãi quá hạn tính đến ngày 25/9/2019 là: 84.102.313 đồng (Tám mươi tư triệu một trăm linh hai nghìn ba trăm mười ba đồng).

Tổng số tiền nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày 25/9/2019 ông Mai Văn T và bà Phạm Thị L phải trả cho Ngân hàng là: 330.499.535 đồng (Ba trăm ba mươi triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn năm trăm ba mươi lăm đồng).

" Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật".

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Mai Văn T và bà Phạm Thị L không trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng Bcó quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp của ông Mai Văn T và bà Phạm Thị L theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 318 ngày 17/4/2013 để thu hồi nợ gồm: Diện tích đất160m^2 tại thửa đất số 915(1), tờ bản đồ số 02, đo đạc năm 1990 và tài sản gắn liền với đất là 01 nhà mái bằng 02 tầng cùng công trình phụ khép kín xây dựng trên diện tích đất 160m^2 tại Thôn H, xã N, huyện H, tỉnh Thái Bình. Đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 659495, số vào sổ CH 02298 do UBND huyện H cấp ngày 17/4/2013 mang tên ông Mai Văn T và bà Phạm Thị L.

3.Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Mai Văn T và bà Phạm Thị L có trách nhiệm hoàn trả số tiền 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) cho Ngân hàng TMCP C.

4. Về án phí: Miễn án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm cho ông Mai Văn T và bà Phạm Thị L.

Trả lại Ngân hàng Bsố tiền tạm ứng án phí 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) theo biên lai thu số 0009138 ngày 04/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

" *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự".*

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tiền Hải;
- Phòng Kiểm tra Tòa án Tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Tiền Hải;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Chu Thị Linh